

## CHƯƠNG 1

# CAI LẬY QUỐC

**1945. CÁC QUAN LỚN – ĐIỀN CHỦ VÀ ĐỊA CHỦ – BỊ BẮT – ÔNG BÁC SĨ CÓ TÀI CHẠY CỎ HEO – HAI LẦN CHẾT – ÔNG LƯƠNG Y VÀ KHU MỘ DÒNG NHÀ HỒ – TÁI SANH – ĐÁNH TÂY – LẠI BỊ BẮT – BA ÔNG CON CAI TỔNG – CÁI SỢ LỚN NHẤT CỦA CHA – ÔNG GIÀ BẾN TRANH – THAM NHỮNG XƯA VÀ NAY – LỜI TRỜI CỦA CHA VÀ BÀI THƠ THIÊU XÁC – ÔNG ANH 30 VÀ CÁI MẸO CỦA MẸ.**

### 1945

Một năm cả thế giới lẫn nước nhà đều có nhiều việc trọng đại. Một đứa bé lên mười như tôi, lại ở nhà quê, thì biết gì nhiều? Một đứa bé nhà quê, mười tuổi, thì không bằng một đứa trẻ lên năm ở thành phố bây giờ, cả về thể xác.

Biết ít, nhớ lại càng ít. Hay chỉ lờ mờ những mảng đời hằn nếp nhất trong lòng.

Một chiếc xuồng, một sáng sớm, trên kinh Nguyễn Văn Tiếp, đưa mẹ và tôi đi Cai Lậy. Được đi khỏi nhà, khỏi làng với mẹ là một việc hiếm có. Cái gì cũng lạ, không lạ cũng hỏi. Gương mặt đăm chiêu của mẹ thỉnh thoảng vẫn phải điếm một nụ cười để trả lời. Không như đi xe hơi, hàng ngàn mét chỉ một cái vèo, đi xuồng khoảng cách thường tính từng mét mà bơi hoài không tới. Tôi thì khoái, chỉ thỉnh thoảng than năng. Còn mẹ thì sốt ruột. Cai Lậy 1945 được gọi là *Cai Lậy quốc*. Cơ quan đầu não kháng chiến được dời về đây, khi quân Pháp đánh úp Mỹ Tho bằng đường sông.

Cách đây mấy năm tôi có dịp về thăm Cai Lậy nhân mùa lụt. Bước lên khỏi ghe, vui mừng gặp mặt đông đảo bà con, tôi nói như reo với ông Phó Chủ tịch tỉnh cùng đi : “ Minh tới Cai Lậy quốc rồi đây ! ” Nhưng ông Phó Chủ tịch lại ngắt ngang : “ Anh đừng nhắc, kỳ lắm ! ”. Ở tuổi “ ăn chưa no, lo chưa tới ”, hồi 1945, tôi biết gì mà nhắc ! Tôi nói vậy chẳng qua như kết nói, khi có cái gì đó kích động. Cái gì đó ở đây có lẽ là người cũ cảnh xưa không mấy gì thay đổi trong hàng mấy chục năm, là số bà con lam lũ chất phác, trông già trước tuổi, tựu hội về đây trên những chiếc xuồng muôn thuở để nhận chẩn.

Nói về Cai Lậy thời đó tôi chỉ nhớ có hai thứ, mà cái tên “Cai Lậy Quốc” là một. Thứ hai là “Quốc Gia Tự Vệ Cuộc”, vì thỉnh thoảng cha tôi có nhắc. Còn cái tên “Việt Minh” thì chỉ nghe đến sau, khi nó thành phổ biến. Nhưng ý nghĩa nội dung của mấy tiếng đó thì tôi không biết. Chỉ biết, vào thời đó, việc cho đi “mò tôm” – bỏ trong bao bố hay treo đá lên cổ rồi đập xuống sông – là chuyện thường nghe, mà nhiều hay ít thì không ai xác định. Một miếng vải xanh, vải đỏ, cùng với chiếc áo trắng đang mặc, tưởng có thể ráp lại làm cờ tam sắc của Tây là thành Việt gian để cho đi mò tôm. Anh Đoàn Ngọc Tám có lần kể : “ Có đơn vị bộ đội chỗ khác đi qua ‘Cai Lậy Quốc’ cũng bị tước khí giới...”. Anh Tám quê Đồng Tháp, từng đi bộ đội ở vùng đó rồi tập kết ra Bắc. Về lại miền Nam sau 1975 anh làm ở Mặt trận Tổ quốc Thành phố cho tới khi mất...

Xuông ghé Cai Lậy, trước một chành lúa. Bên kia sông là chợ, tấp nập ghe xuồng. Chành lúa mênh mông mà chỉ có mình cha tôi và mấy người nữa “ ở ”. Trước chành có mấy cây còng to rợp bóng mát, dưới có một người ngồi gác.

Tôi nhớ việc đầu tiên, khi thấy mẹ tôi bày ra mấy thứ không đâu vào đâu mang đi từ nhà, như nải chuối hay bánh thuốc giồng là cha tôi hối mẹ tôi trở ngay sang bên kia sông mua thêm nhiều nhiều thức ăn. Để cha tôi đãi mấy ông ở cùng chành. Sau đó mẹ tôi mới mang thư cha tôi đi gặp mấy ông “Quốc Gia Tự Vệ Cuộc”. Sau này tôi được biết Quốc gia Tự Vệ Cuộc là cơ quan Công An thời đó.

### **Các quan lớn và ông hội đồng không lớn**

Tại sao cha tôi bị bắt ở đây, tôi không biết. Cha tôi thời đó rất hay đi. Thỉnh thoảng ở nhà thì lại có rất nhiều khách. Mẹ tôi quanh năm vất vả lo chạy ăn cho khách của cha tôi, với những ngày dài chờ chồng. Đủ thứ khách đến chơi và ở hà rằm trong nhà. Có khách làm nghề dạy võ. Có khách ăn rồi, hoặc chờ đến bữa ăn, chia nhau đóng tuồng, ngâm thơ. Có khách ra bờ sông ngồi vẽ. Vẽ cả cha tôi và chị tôi nữa. Có khách nói “ chuyện quốc sự ”. Có khách đánh bài. Có khách chỉ đi ra đi vô múc rượu uống hay nhắm mấy trái khế trước sân nhà tập bắn súng lục. Có vài ông được biết là “ lính kín ”, tức “ công an chìm ”, như người ta gọi bây giờ. Nhiều ông là Hội Đồng, Phủ, Huyện hay điền chủ. Thời Pháp thuộc, người ta gọi đại biểu hội đồng quản hạt, tức Hội Đồng Tỉnh, là “ ông hội đồng ”, chứ không gọi là đại biểu hay nghị viên. Cũng không có bầu bán gì, mà tất cả đều được các ông quan Tây, quan Ta chỉ định ráo trọi. Chỉ định chứ không phải “ cơ cấu ” như bây giờ. Tiếng là chỉ định mà hầu hết các chức hội đồng đều phải “ chạy ” bằng tiền. Cũng không thấy họp hành gì nên không gọi là “ nghị gặt ” hay “ nghị vỗ tay ” như sau này, mà là “ hội đồng ” hay “ hội đồng quỳ ”, nhại lại tiếng “ *oui* ” của Tây. Cốt là để đi ăn giỗ, ăn tiệc. Phủ hay Đốc Phủ thường giữ chức Chủ Quận, vì chức Chủ Tỉnh là dành cho Tây. Cũng có những ông “ phủ hàm ”, “ huyện hàm ”, còn được gọi là phủ hay huyện danh dự, những danh vị dành phong cho những ông công chức, những ông cai tổng có công. Nói chuyện với mấy ông Đốc Phủ hay Phủ, người ta không thừa thốt đơn giản như “ thừa cán bộ ” ở đâu đó đạo nào mà phải “ bầm quan lớn ”.

Một lần tôi được cha gọi lên sai vặt. Giữa lúc các “ quan lớn ” đang trên một ông Hội Đồng tên Cu. Một “ quan lớn ” nói, giữa tiếng cười : “ Tên gì kỳ quá ! Mở tiệc cúng đặt tên lại đi ! ”. Ông Hội Đồng, vẻ khúm núm, tinh bơ đáp : “ Bầm quan lớn, tôi thấy không cần cúng đặt tên lại. Bầm quan lớn, cũng như con trâu, con bò, lúc nhỏ gọi khác, khi lớn gọi khác. Vì tôi nhỏ, bầm quan lớn, người ta gọi tôi là Cu, nhưng người ta không gọi tôi là Cu nữa khi tôi lớn, mà là bằng... một cái tên khác, bầm quan lớn ! ”. Chỉ có một câu trả lời mà ông Hội Đồng cố ý “ bầm quan lớn ” đến mấy lần...

Thỉnh thoảng cũng có những ông khách là lạ, không nhậu nhẹt, không hút xách, không ồn ào huyên náo, cũng không ăn dầm nằm dề, từ trên kinh xuống hoặc ở đâu đâu xẹt đến rồi xẹt đi. Thường là những khi không có những ông khách loại kia. Làng quê tôi nằm trên rìa Đồng Tháp Mười. Tôi nói “ từ trên kinh xuống ” là từ rất sâu trong Đồng Tháp Mười, miệt Thiên Hộ Dương, ở đó chằng chịt những kinh đào. Cũng như khi tôi nói trên rừng thì đó là rừng tràm, rừng đưng, bàng của quê tôi... Sau những lúc gặp những ông khách có vẻ khác thường như vậy, cha tôi thường im lặng rất lâu, như lo nghĩ điều gì lung lăm.

## **Điền chủ và địa chủ**

Cha tôi thường kể chuyện Cà Mau thời đó. Lươn bắt lên ăn không hết thì thả. Bữa khác ăn, bắt mớ khác. Dân tình năm đó lại thật nghèo, quần áo không có mặc. Cái tên “chòi đá” là tôi học ở cha tôi từ năm đó. Đi hăng cây số chỉ gặp toàn “chòi đá” của các tá điền, gác tạm cây lá để ở, đá bỏ khi phải dời đi nơi khác. Xa xa mới có một nhà ngói, nhà xây kiên cố của chủ điền. Dưới nước họ có ghe hầu, trên bộ họ có xe ngựa, xe hơi, có khi không phải một chiếc. Có công tử còn có xe xì-gà, loại xe đua đất tiền. Có công tử còn có máy bay riêng.

Ở Mỹ Tho, quê tôi, hơn thua nhau các chủ điền thường tính lúa ruộng thu được hằng năm bằng số thiên tức ngàn giạ. Miệt Bạc Liêu, Cà Mau người ta hơn thua nhau bằng số lằm, số kho. Cách đây mấy năm tôi còn gặp được một cái lằm ở Trà Vinh. Cột, róng dùng làm kho lằm toàn bằng cây gan đá, cả trăm năm không hề hấn. Địa chủ ở ngoài Bắc cỡ nào tôi không biết. Cũng không biết họ hơn thua, đấu đá nhau thế nào.

Cha tôi không là chủ điền, chủ đất mà thích giao du, làm thơ và hát bội. Ông mê hát bội đến nỗi lập một gánh hát riêng cho một bà “má” của tôi và cho đi lưu diễn ở khắp nơi, lâu lâu mới ghé về làng.

## **Bị bắt**

Nhân một chuyến đi chơi Cà Mau về, cha tôi bị chặn bắt ở Cai Lậy Quốc. Ông đi thăm một người em họ xa, ở chơi mứt mùa rồi đột ngột quyết định lấy ghe trở về. Không phải vì nôn nóng việc quốc sự hay việc nhà, mà là với dự tính quay liền xuống Cà Mau, chờ theo nhiều đêm, núp và bắt cứ vật dụng gì tom góp được để tặng bà con nghèo dưới đó. Ý định không thành, hình như đường đời của ông cũng gặp một ngã rẽ.

Về chuyến đi Cai Lậy Quốc hồi mười tuổi tôi chỉ nhớ việc cha tôi “đãi khách” trong tù, mẹ tôi đi đưa thư của cha tôi cho mấy ông Quốc Gia Tự Vệ Cuộc, và hàng công lớn trên bờ sông tôi ra chơi dưới bóng mát. Những chuyện khác là do tôi nghe kể lại.

## **Ông bác sĩ có tài chạy cỗ heo**

Trong các câu chuyện, cha tôi thường nhắc đến hai ông Nguyễn Văn Nguyễn và Trần Hữu Nghiệp.

Tôi gặp bác sĩ Trần Hữu Nghiệp<sup>1</sup>, nhà giáo nhân dân, sau 1975. Ông gốc Bến Tre mà hồi 1945 có mở phòng mạch ở Mỹ Tho. Tuy mới gặp nhau và tuy tuổi đời chênh lệch nhau tới vài chục năm, hai chúng tôi như đã quen nhau từ lâu. Đối với tôi, những câu chuyện kể của cha tôi là mối dây liên hệ? Còn đối với bác sĩ Nghiệp, anh Chín Nghiệp, phải chăng đó là do tiếng dội của Tin Sáng bộ cũ hồi còn chiến tranh? Hay là tình đồng hương? Chỉ biết mỗi khi tôi rào đón lựa chữ để nói ra điều gì thì ông lại bảo: “Mình là dân Nam bộ, cứ nói thẳng”. Thỉnh thoảng ông có viết bài cho Tin Sáng bộ

---

<sup>1</sup> Có thể tham khảo hồi kí của bác sĩ Trần Hữu Nghiệp: *Thời gian trong mắt tôi* (1993)

[http://www.viet-studies.info/THNghiep\\_1.htm](http://www.viet-studies.info/THNghiep_1.htm)

mới và đến thăm tôi ở tòa soạn để nhận nhuận bút và nói chuyện khào. Ông thường khoe tài nuôi heo, tài chạy cám heo và nhất là tài chạy cở heo. Đường nào có nhiều cở heo tốt ông đều biết tất. Ông đã truyền nghề y cho không biết bao nhiêu lớp y, bác sĩ, từ Nam ra Bắc, nhưng nghề chạy cở heo thì “cạy miệng ông cũng không nói”, cũng như mớ gốc rau muống căn tin lật bỏ thỉnh thoảng tôi mang về, tôi có chia cho ai đâu ! Thời “bao cấp” để làm cho người ta “chia sẻ” và không chia sẻ với nhau nhiều thứ lắm. Anh Huỳnh Kim Báu, nguyên tổng thư ký Hội Trí Thức Yêu Nước, một đêm gặp tôi trên đường về nhà, với thúng rau muống gốc để ở băng sau xe, dành cho hai con heo ở nhà, đã chia sẻ với tôi một câu rất dễ thương về người trí thức thời mới, mà không nở chia sẻ mớ gốc rau muống của tôi... Anh Báu ái ngại cho tôi mà quên mất tôi là một trong vài người hiếm hoi sau năm 1975 còn lái xe bốn bánh đi làm, trong khi anh, Tổng thư ký Hội trí thức, lại đi xe hai bánh... Tấm lòng của anh, và của những người lãnh đạo thành phố lúc bấy giờ thật là đáng quý... Họ nghĩ đến người khác và cho người khác là chính...

Mấy năm sau này thỉnh thoảng tôi có đến thăm ông Chín Nghiệp, khi thì để chúc thọ ông, khi thì để mừng Ngày thầy thuốc hay Ngày nhà giáo, khi thì để thăm ông bị té gãy giò. Giọng ông lúc nào cũng rộn ràng, cả lúc phải chống nạng ; lâu lâu đệm một câu “Anh Chín mày còn ngon không ?”. Có lần ông yêu cầu tôi viết một bài cho báo Tô Quốc, cơ quan của đảng Dân Chủ ở Hà Nội. Một bài báo mà tôi không nhìn ra mặt mũi sau khi đăng, qua bàn tay phẫu thuật của tòa soạn. Đó là trước năm 1992. Sau 1992, với Hiến pháp mới, cả đảng Dân Chủ cả đảng Xã Hội đều không còn nữa. Không lần nào tôi nhớ hỏi ông Chín Nghiệp về cha tôi. Mà có hỏi chắc gì ông đã nhớ một “ông làng” nhà quê có tật hay giao du mấy chục năm về trước.

Làng xã thì ai cũng biết rồi, dù chữ xã đang có khuynh hướng lấn lướt chữ làng. Ông nhà quê thì ai cũng biết. Nhưng “ông làng” là gì ? Là những ông chức việc ở làng. Những ông này gọi chính danh là những ông “huong chức”. Gọi đầy đủ là những ông “huong chức hội tề”. Sau này, tức vào khoảng những năm 50-60 của thế kỷ 20 trở về sau, mới có tên “hội đồng xã”. Nhưng dân làng quê tôi cứ gọi họ nôm na là những “ông làng”. Còn “phía bên kia”, hay “ở trong”, tức “trong khu hay chiến khu”, thì gọi họ là “tề ngụy”. Hương chức hội tề trong Nam ngày xưa gồm có mười hai vị, đó là : hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương bộ, hương quản, xã trưởng, hương thân, hương hào, chánh lục bộ. Có làng, như làng tôi, để tỏ lòng tôn kính đối với một vị hương chức cao niên khả kính nhất, còn có thêm chức đại hương cả. Xã trưởng, như vậy, không có nghĩa là người lớn nhất làng, nhưng là người giữ một làng, có quyền cấp một số giấy tờ, thu một số thuế, có hai ông hương thân và hương hào phụ tá. Tây vẫn gọi ông ấy là “Monsieur le Maire”, cấp cho một dải băng màu cờ tam sắc xanh trắng đỏ như cho các ông xã trưởng ở chính quốc, để choàng qua vai khi có lễ lớn hoặc khi đón các quan lớn. Nhưng đối với dân làng thì ông hương cả vẫn là người lớn nhất. Hương quản lo việc trật tự trị an, tất nhiên là có thể bắt người. Do vậy, đối với dân “làng nhậu”, “bà xã” thường được kính cẩn gọi bằng bà “huong quản”... Xem ra như vậy thì cái chữ “quản” hay “quản lý” bây giờ nó có nguồn gốc từ rất xưa, từ hồi còn mấy ông Tây. Chớ không như cái chữ “quản” của mấy ông Tàu trong thương trường, hay của mấy ông chủ báo. Trong các nhà máy ngày xưa ở Chợ Lớn, ông quản lý chỉ là người làm công cho ông chủ. Còn các ông quản lý các tờ báo thời Tây hay thời trước 1975, luôn phải có tên trên “măn-sét” báo, thì thường là đại diện các ông chủ báo để ra hầu tòa... Ở Sài Gòn trước 1975, có báo còn có hai ông quản lý : ông quản lý “thiệt” thì để đếm tiền, và ông quản lý có tên thì để ra hầu tòa. Công việc hộ tịch ở làng là của chánh lục bộ, người đứng thứ mười hai trong hàng hương chức, thường là người trẻ tuổi nhất, trên nguyên tắc cũng phải giỏi chữ quốc ngữ nhất, nhưng không phải lúc nào cũng viết đúng tên người ta trong khai sanh. Cha tôi ngày xưa chỉ làm tới chức hương chủ, nhưng quyền uy thì trùm... Đang giữ chức hương chủ, ông được mời ra làm Ban Biện, tức Phó Tổng rồi Cai Tổng, rồi được phong tặng Huyện hàm.

## Hai lần chết

Cũng vì cái tật hay giao du mà cha tôi, hơn một lần đã phải chết.

Nhà tôi một hôm bỗng chật nứt trảng hoa phúng điếu, mà người thì cứ tiếp tục nướm nượp kéo vôi, từ đâu không ai biết. Cả nhà nhón nháo, cả làng nhón nháo. Trảng hoa phúng điếu ở làng lúc bấy giờ là điều chưa từng thấy.

Một ông “ bạn hút ” của cha tôi ở thành phố Mỹ Tho, một đêm, sau khi đã hết con ghiền lại nổi cơn quậy. Bên bàn đèn, ông thì thăm tỏ ý tiếc thương cha tôi sao vôi ra đi sớm, bỏ lại vợ con, bạn bè. Ông còn vẽ cả đường đi nước bước cho ai muốn hỏi nhà. Báo hại cả mấy ông xích lô, xe kéo cũng rủ nhau đi viếng ! Vậy là cái câu “ không ai chết hai lần ” đã bị cha tôi cải chính. Và những trảng hoa thương tiếc đã làm cha tôi động lòng nản ná ở lại thêm ngót bốn mươi năm nữa. Cha chỉ ra đi thật sự ở tuổi gần tròn chín mươi.

Tôi chưa bao giờ được gặp ông Nguyễn<sup>2</sup> và sẽ chẳng gặp được bao giờ. Và cũng không biết ông có phải là người đứng đầu Quốc Gia Tự Vệ Cuộc thời trước hay không. Mà có gặp, có hỏi, có lẽ ông cũng không làm sao nhớ hết những người ở Mỹ Tho đã bị bắt hồi 1945, ở Cai Lậy Quốc.

### **Ông lương y và khu mộ dòng nhà Hồ**

Nhưng có một người lại nhớ cha tôi rất rõ. Đó là ông lương y Năm Xuân, ông Lê Minh Xuân, cố Viện trưởng Viện Y Dược Học Dân Tộc, người tiền nhiệm của bác sĩ Trương Thìn. Gặp nhau trong một dịp nào đó sau 1975, ông làm tôi hết sức ngạc nhiên khi đột nhiên ông “ Gởi lời thăm ông già ” ! “ Ông già ” là cha tôi. Khi mẹ tôi bệnh nặng, nằm ở Bệnh viện Sài Gòn, ông đã sốt sắng đáp lời mời của tôi sang hội chẩn để cố gắng chạy chữa bằng Đông Tây y kết hợp, nhưng không thành công. Kết luận của ông là : “ Chú về lo hậu sự cho bà già. Có tin gì nhớ báo cho tôi biết ”. Ông Tư Ngọ, tức bác sĩ Dương Quang Trung lúc bấy giờ là giám đốc Sở Y tế, cũng có ý đưa mẹ tôi đi lọc thận ở Bệnh viện Bình Dân, nhưng ai nấy đều lắc đầu vì mẹ tôi quá già yếu. Gia đình tôi rất biết ơn về những tấm lòng này.

Sau khi ông Viện Trưởng Năm Xuân về rồi, chị ba tôi khẽ nói : “ Chị biết ông này. Ông có mặt trong số người từ bên Khánh Hậu đến tìm súng trong... khu mộ ông bà nhà mình hồi 1945 ”. Khánh Hậu với làng tôi giáp ranh, mà thuộc tỉnh Long An.

Khu mộ ông bà dòng nhà Hồ ở làng tôi đã có đến nay cũng ngót vài trăm năm. Không biết người xưa xây cất bằng vật liệu gì – nghe đâu là có ô dước – mà các ngôi mộ vẫn tro tro không hề hấn gì với những nhất cuộc của... thời gian, và của... con người. Chỉ có bức tường thành bằng đá ong là đổ sập, rải rác mỗi nơi một tảng...

Theo bút tích còn lại của cha tôi thì ông tổ dòng nhà Hồ, cánh Hồ Đắc, ở làng tôi là từ Huế vào hồi sáu tỉnh Nam kỳ còn sơ khai cùng với một ông họ Đỗ, quy tụ được bốn mươi lăm người, “ tứ thập ngũ nhơn ”, thành lập làng Tân Hội Tây, thuộc tổng Kiến Hưng, tỉnh Định Tường, nay là Tiền Giang. Bên cạnh Đình làng ngày xưa có Miếu thờ riêng hai ông tổ lập làng. Đến năm 1926 làng Tân Hội Tây sáp nhập với hai làng Dương Hòa và Tân Thành để trở thành làng Tân Hòa Thành cho đến ngày nay. Dòng nhà Hồ ở làng truyền đến bác Hai tôi và cha tôi là đời thứ sáu. Các anh chị con bác Hai tôi nay đã có chất chít... kêu họ bằng ông bà sơ, còn tôi chỉ mới có một đám cháu nội ngoại, tính ra không biết là đời thứ mấy.

---

<sup>2</sup> Nguyễn Văn Nguyễn (1910-1953), chiến sĩ cộng sản, nhà báo (*La Lutte, L'Avant-Garde*), Giám đốc Đài phát thanh Nam Bộ Kháng chiến. Có thể đọc tiểu sử tại

[http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn\\_Văn\\_Nguyễn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Văn_Nguyễn)

Khu mộ tổ dòng nhà tôi, ngày trước được gọi là khu mộ vôi hay khu mộ tre, do vậy có thể nói là cổ nhất làng, hay cổ nhất mấy làng cũng nên. Dân làng, có lẽ vì nhớ ơn người khai sáng, nên xưa nay không ai đụng đến các ngôi mộ này, ngay trong những thời loạn nhất. Và nếu có ai đó đã kéo đến lục tìm súng thì đó là những người xa lạ từ làng khác mà thôi.

Tôi nghĩ : thì ra ông lương y này biết rõ cha mình, nên mới “ gọi lời thăm ”, cũng như chị mình biết ông, vì ông đã có mặt trong đoàn người từ bên Khánh Hậu đến... viếng khu mộ dòng nhà Hồ một ngày của năm 1945. Và ông gọi lời thăm cha mình là thăm thật ! Cũng như ông tìm cách cứu chữa cho mẹ mình là chữa thật.

Chị ba tôi mới mất cách đây vài năm, sau ông lương y Năm Xuân khá lâu, còn cha tôi đã ra người thiên cổ gần hai mươi năm rồi. Chỉ có cô H. ở Hà Nội nổi tiếng có khả năng đặc biệt gọi hồn, theo lời kể trong một tập tài liệu khá dày của ông cán bộ cao cấp Trần Phương, cũng ở Hà Nội, may ra mới hỏi han họ thêm được điều gì...

## Tái sanh

Ở Cai Lậy về không biết được bao lâu, sau một đêm ngủ thẳng căng, tôi thức dậy ở nhà ngoại tôi trên ấp giồng Dương Hòa, xã Tân Hòa Thành. Cha tôi đang ngồi đó uống trà với mấy ông khách. Cũng lại khách. Và mẹ tôi đang lui cui làm bếp ở nhà sau với mấy di. Cũng lại làm bếp. Mẹ tôi nổi tiếng làm cơm ngon, chắc nhờ cha tôi như có nuôi cơm tháng ở trong nhà. Mẹ và các chị em tôi cũng mới về nhà ngoại không lâu. Trước đó chúng tôi ở trên rừng Tân Thành, cái ấp hẻo lánh nhất của xã Tân Hòa Thành, trong một chòi ruộng, với chung quanh toàn các loại cỏ đưng, bàng, năn. Nhưng sướng nhất là tôi được theo mẹ giậm cù bắt cá : loại cá nhỏ, đủ thứ, nhiều nhất là cá thia và cá trâm, vô số kể. Và rần, nhiều nhất là rần bông súng... Tại sao mẹ dẫn chúng tôi vô “ rừng ”, không ở nhà mình cũng không ở nhà ngoại ? Câu hỏi này cho tới bây giờ tôi mới đặt ra cho mình, chớ hồi đó cứ theo mẹ là đủ sướng rồi, nhất là theo mẹ để được mẹ dạy cách bắt con lươn, con chạch, con rần bông súng, con gà nước hay cả đàn cá thia, cá trâm lội nghệt trong cỏ năng... Mẹ vô rừng là để bảo vệ chúng tôi, nhất là tôi, hay để được ở gần con cá con cua, nhất là trong thời loạn lạc ? Hay để dễ bề nghe ngóng tin tức về cha tôi đang bị giữ ở Cai Lậy Quốc ? Tôi nghĩ là vì cả ba lý do...

Không hề biết vì sao cha bị bắt, tôi càng bất ngờ hơn khi cha bất thần xuất hiện ở nhà ngoại. Giữa một đám huyền não bà con lối xóm đến thăm. Giữa một thời “ mò tôm ” dễ như bỡn, giữa một thời “ ra đi không hẹn ngày trở lại ” !

Tại sao cha tôi được thả ? Cả đời giao du, khách khứa lu ầm, có vừa là cái cơ để cha tôi bị bắt, vừa là cái cơ nguyên để cha tôi được thả ? Trong một thời kỳ như được đề lần thứ hai ? Tôi không biết. Tới giờ, có mấy người lớn tuổi còn lại trong làng còn kể chuyện cha tôi suýt bị bắt đưa đi đây, vì bênh vực mấy người dân vùng Nhơn Ninh, Phụng Thốt bị ông cai tổng Mộc Hóa vu cho tội “ làm cộng sản ”, hồi năm “ cộng sản dậy ” 1940. Nhơn Ninh, Phụng Thốt nằm sâu trong Đồng Tháp Mười, thuộc quận Mộc Hóa của tỉnh Long An ngày nay. May nhờ chứng cứ vững vàng, mà cũng nhờ phước đức ông bà, cha tôi đã được ông cai tổng Mộc Hóa thay chỗ đi đây ở Bà Rá, còn ông Đốc Phủ T. và ông Đốc Phủ H., chủ quận và quyền phó chủ tỉnh Tân An, thì bị mất chức, chuyển đi nơi khác. Theo bút tích cha tôi để lại thì chuyện này đã làm xôn xao dư luận một vùng khá lâu hồi đó... Không biết có phải vì vậy, và vì nhiều việc khác tương tự, mà cha tôi được thả hay không, tôi không biết. Chỉ biết, trong trí nhớ của tôi, với bộ ria mép cắt xén kỹ và giọng nói sang sảng, cha tôi lúc nào cũng tỉnh bơ, cũng chứng nào tật nấy, hết đãi khách trong tù lại đãi khách ngay sau đêm ra khỏi tù. Chỉ có mẹ là cực.

Trong đám tang chị ba tôi cách đây mấy năm, ở làng có một ông lão đến chào tôi và nói : “ Tôi nhớ ơn chú Năm suốt đời. Nhờ chú Năm mà tôi còn sống đến ngày nay... ”. “ Chú Năm ” là cha tôi. Chồng chị ba tôi, người gốc Dương Hòa, cho biết ông lão là một trong những người cộng sản bị bắt dưới thời Tây được thả do cha tôi can thiệp. Chuyện này, cùng nhiều chuyện khác tương tự do nhiều người kể lại, có phải là nguyên cơ xa gần để cha tôi được thả ở Cai Lậy Quốc năm 1945 ? Tôi nghĩ :

luật nhân quả không hẳn báo ứng trong một đời. Và những bất ngờ, những may rủi... trong đời người cũng là những thứ luật.

## **Đánh Tây**

Lại một sáng sớm, khi cha tôi đã về lại làng, tôi thấy một đám trai trẻ tất tả chạy về với nhiều dây nhợ, mình mẩy lấm lem. Về sau được biết cha tôi đã “ làm quân sư ” cho họ đi đặt mìn xe lửa ở gần thị trấn Tân Hiệp.

Nhưng tại sao cha tôi không tiếp tục tổ chức đánh Tây, lại ra làm cai tổng rồi được phong huyện hàm ? Cũng vì cái danh cái lợi thường tình ? Nhưng người như cha mà tôi biết, nếu tiếp tục làm quân sư cho người ta đi đánh mìn riết rồi chắc cũng nổi danh. Còn nếu vì sợ chết thì số ông dù bị trừ éo cũng phải gần chín mươi mới chết. Và phong lưu thì ngồi tù, cả ngồi tù thời cách mạng, ông vẫn phong lưu... Và tôi nghĩ : một “ ông làng ” nhà quê biết chút ít chữ nho, mà người xưa gọi là “ chữ thánh hiền ”, như cha tôi và như đa số người hồi đó, mà không đi theo vua thì mới là chuyện lạ. Với lại, từ đó tới giờ, và từ trước đó tới giờ, nước nhà có tới hai ba chế độ cũng không là chuyện lạ. Và thế giới bây giờ cũng không thấy gì là lạ với một nước khá hùng mạnh đang có hai chế độ...

## **Lại bị bắt**

Thời cha tôi làm cai tổng, tôi không biết gì nhiều, vì được cho đi học trường dòng ở Mỹ Tho rồi Taberd Saigon. Chỉ nhớ mỗi khi nghỉ hè về nhà, tôi thường được cha nuông chiều, mượn các đình chùa trong làng để tôi dạy học cho đám con nít mù chữ. Năm 54-55, cha tôi bị Ngô Đình Diệm cho bắt nhốt ở Mỹ Tho hết mấy tháng, vì bị tố là “ con sư tử chín đầu ”. “ Chín đầu ” vì tổng Hưng Nhơn của cha tôi có chín làng. Còn “ sư tử ” có lẽ là vì người ta liên kết với “ con hùm xám Cai Lậy ”. “ Hùm xám Cai Lậy ” là biệt danh của ông Nguyễn Văn Tâm, chủ quận khét tiếng của quận Cai Lậy, sau này là Thủ tướng Chánh phủ Nam kỳ. Con ông, tướng không quân Nguyễn Văn Hinh, là Tư lệnh quân đội Saigon, và một thời là Tham mưu trưởng quân đội Pháp, sau năm 1954, khi “ trở về ” Pháp.

Người tố cáo cha tôi là một người tôi thường thấy, trong các kỳ hè, đến đánh tứ sắc thâu đêm ở nhà tôi.

## **Ba ông con Cai Tổng**

Mới đây, nhân đến dự đám giỗ ông cụ thân sinh Ngô Công Đức, tôi bỗng nhớ cha anh, cha anh Nguyễn Văn Bình, anh rể Đức, và cha tôi, cả ba đều là cai tổng. Riêng thân phụ anh Đức còn hy sinh khi còn đang tại chức, khoảng trước năm 1954, hồi Đức và tôi còn học chung ở trường Taberd.

– “ Ấu trĩ ! ” – một anh cách mạng lão thành, bạn của gia đình, thường được gia đình gọi là anh Sáu, bất ngờ ghé qua nghe tôi kể chuyện, cười nói.

Tôi nhắc lai lịch trên là vui miệng nhắc vậy thôi, cho có đầu có đuôi. Nhất là trong một đám giỗ tưởng nhớ cha mẹ ông bà, chớ không hề có ý phê phán gì. Ông bạn lão thành cách mạng bật ra hai tiếng “ ấu trĩ ” chắc cũng chỉ để cười vui, chứ không hề có ý phê phán ai, hoặc phê phán tôi.

Nhưng tôi lại nghĩ ngợi lung tung... Về tôi và về nhiều người khác. Về tôi, bởi tôi đã nhắc lại một điều có lẽ không nên nhắc. Về ba ông cai tổng kia, bởi ba ông đâu có là cái gì đối với “ mấy ông ” bây giờ. Và về “ ba ông con cai tổng ”, là chúng tôi, bởi chúng tôi cũng không là “ cái thứ ” gì so với “ mấy ông con ” bây giờ...

## **Cái sợ lớn nhất của cha**

... Cũng trong một kỳ hè, tôi được biết về cái sợ lớn nhất của cha tôi. Đó là sợ... mất tôi ! Vì tôi là đứa con trai duy nhất còn lại của ông. Mẹ cũng sợ mất tôi, mà kiểu ý khác. Ở thời dịch bệnh tràn lan, mười trẻ không chắc giữ được một, mẹ thường cúng vái, đi chùa liên miên. Ở thời giặc già triền miên, mẹ sợ tôi bị thất lạc. Mẹ cho tôi đeo bùa ở cổ, trong bùa có chút ít vàng. Nhất cử lưỡng tiện : bùa là để đuổi tà, đuổi bệnh ; vàng là để nếu tôi thất lạc có ai lượm được sẽ lấy đó giúp nuôi tôi giùm.

Học trường đạo thì phải ít nhiều nhiễm đạo. Một hôm tôi thử hỏi cha về việc này. Trầm ngâm thật lâu, như bị cú “ sốc ”, cha tôi buồn bã trả lời : “ Đòi cha sợ nhất là mất con. Có ba cách mất : một là con theo gánh hát, hai là theo cộng sản, ba là theo Công giáo ! ”. Đúng là “ chạy ô mò mắc ô mã ” ! Vì sợ tôi theo cộng sản, cha cho tôi học trường đạo, để rồi... bây giờ tôi vừa chơi với “ ông ” Công giáo, vừa chơi với “ ông ” cộng sản. Còn theo gánh hát thì, hồi còn ở Taberd, tôi đã từng cùng anh em dẫn gánh học trò đi hát ở tận Vĩnh Long...

Ngẫm nghĩ tôi thấy “ hai ông ” mà cha sợ tôi đi theo có nhiều cái giống nhau lắm. Ở đám ma, đám giỗ..., cả hai ông đều đứng nghiêm như chào cờ. Bây giờ cả hai ông đều đốt nhang, đều xá, mà có ai phân biệt được ông nào với ông nào đâu. Khi nói năng, dạy dỗ, mấy ông thường hài ra những cái tên lạ quơ lạ quác, không giống với “ người mình ” chút nào. Còn người mình thì cứ “ làm theo ông bà ”, “ dạy theo ông bà ”. Họ hoàn mới thấy chêm một câu, một lời của Phật, của Khổng mà không ai để ý thấy lạ, bởi nó đã nhập tâm, nhập địa để trở thành phong tục, tập quán, truyền thống đạo lý văn hóa cha ông từ đời thuở nào không ai biết. Những “ lời Sấm nói ” hay “ nói như Sấm ”, tuy cũng là của người mình mà người mình cũng chỉ nói, chỉ nghe để chơi thôi, không ai cho là chân lý, thậm chí nghiêm túc cả.

“ Hai ông ” còn giống nhau sâu sắc hơn ở chỗ thường loại cái gì không giống mình và thường coi cái gì của mình cũng là... nhất. Còn người dân mình lại có khuynh hướng quơ làm của mình tất, từ tiếng Tây, tiếng Tàu cho đến các ông các bà người ngoài thờ phụng, miễn là phù hợp, là không trái với đạo lý, lời dạy của ông bà.

“ Hai ông ” cũng nổi tiếng bài trừ mê tín như nhau, ông thì không cho ăn cơm cúng, ông thì không cho cúng cơm, nhưng sùng bái ảnh tượng và hài cốt thì thường rất giống nhau...

...Giờ đây chắc cha tôi đã yên lòng. Bởi tôi vẫn giữ “ đạo ông bà ”. Bởi tôi “ chơi ” với cả “ hai ông ” mà không “ lạm ” ông nào ...

## **Ông già Bến Tranh**

“ Đạo ông bà ” có quan hệ mật thiết với việc thờ cúng thần trong các đình.

Hồi ở quận 8 và các quận ven đô, có lẽ do ảnh hưởng của “ ông già ”, tôi và anh em trong Chương trình Phát triển cùng các bộ lão địa phương đã xây cất, trùng tu khá nhiều đình, đến nỗi một tờ báo ở Saigon hồi 1965 đã “ động lòng ” đăng bài “ khều nhẹ ”, cho rằng chúng tôi muốn thành lập một nền “ văn minh đình ” giữa lòng thành phố. Nhưng khác với “ ông già ”, chỉ khấn thầm khi đi cúng đình, còn tôi, thỉnh thoảng, khi vái lạy linh thần, với tư cách là người đứng đầu một quận, tôi không khấn thầm mà sửa giọng khấn thật to cốt để mọi người cùng nghe. Đại khái tôi xin các ngài bẻ cỗ mây thăng gian, phù hộ lương dân để lương dân mãi mãi giữ đình thờ cúng các ngài. Còn ngược lại thì...

“ Nhà thờ dòng nhà Hồ ” trên quốc lộ 1A, tại xã Tân Lý Tây, gần thị trấn Tân Hiệp, Tiền Giang, nay không còn nữa. Nhưng thỉnh thoảng vẫn có người hỏi thăm. Đây là quê ngụ của cha tôi từ sau 1945, cũng là quê cũ bên ngoài tôi .



Vào một ngày sau tháng Tư 1975, có một anh “bộ đội cụ Hồ” đi ngang nhà thờ dòng nhà Hồ. Trông thấy một cụ già râu tóc bạc phơ đứng trong sân, anh bước tới cất lời chào: “Cụ trông giống lắm!”... Mà giống ai? Các cụ già Việt Nam có mái tóc và chòm râu bạc cụ nào mà không giống cụ nào và không giống các tiên ông? Còn các tiên ông thì phải chăng là được lấy mẫu theo các cụ già này?

Cũng sau 1975, có ông lãnh đạo cách mạng gặp tôi nói: “Tôi đã về thăm Mỹ Tho và có ghé qua miếu Ông Già Bến Tranh của anh”...

Miếu “ông già Bến Tranh” nằm bên quốc lộ 1A, ngó xéo qua nhà thờ dòng nhà Hồ. Ông già Bến Tranh, nông dân Lê Văn Duyên nổi danh chống tham nhũng và bị tham nhũng bắn chết khoảng năm 1974. Ông thứ tám, tên gọi Tám Duyên hay Tám Giêng, con của một ông Đại Hương Cả làng Tân Hòa Thành, tên là ông cả Ruộng, bạn của cha tôi. Miếu thờ ông Duyên không là “của tôi”, mà là của bà con nông dân, buôn bán, thân hào địa phương, của dân biểu Lê Tấn Trọng, và phần nào là của cha tôi. Hình ông già Bến Tranh trong miếu thờ là do dân biểu Nguyễn Văn Dậu vẽ. Ông Dậu là thầy dạy tôi ở lớp tư trường làng Tân Hiệp. Tôi chỉ có công mời khách tham dự lễ khánh thành...

Tôi không nhớ lễ khánh thành Miếu được tiến hành vào ngày tháng năm nào, mặc dù báo chí thời đó có đưa tin khá nhiều, chỉ tình cờ còn giữ một bản sao biên bản “Phiên họp tổng kết công tác xây cất và tổ chức lễ khánh thành miếu nông dân Lê Văn Duyên và cầu siêu, ngày 10/8/1974, hồi 18 giờ” với mấy tấm hình chụp buổi lễ... Phiên họp được tổ chức tại nhà ông Hồ Đắc Phẩm (tức nhà thờ dòng nhà Hồ, và Hồ Đắc Phẩm là cha tôi), dưới sự chủ tọa của ông này, có dân biểu Lê Tấn Trọng và 14 ông trong Ban tổ chức điều hành, xây cất và kiểm sát tham dự.

Biên bản ghi: tổng số thu là 689.350 đồng, tổng số chi là 939.566 đồng, số trội xuất là 250.216 đồng.

Biên bản cũng ghi: “Ông Nguyễn Văn Lựu và Lý Văn Xê nêu lên... những công tác tốn kém khá nhiều công lao là ba đôi liêng, vì phải mức chữ nổi, thêm đài chiến sĩ ở phía trước... Riêng hàng rào chung quanh khuôn viên miếu đã chiếm hơn 100.000 đồng... Tuy nhiên nhờ sự tận tâm của tất cả quý vị trong ủy ban xây cất và những người tham gia yểm trợ tích cực, kể cả thợ hồ và nhân công... Riêng số tiền trội xuất 250.216 đồng phiên họp đồng ý theo đề nghị của ông Ngô Văn Gấm (ủy viên kiểm sát) là kêu gọi nghị vị dân biểu Hồ Ngọc Nhuận và Lê Tấn Trọng phải yểm trợ bằng phương tiện ngoại giao kêu gọi sự đóng góp của những thân hữu để giúp đỡ ủy ban trang trải số chi phí trội xuất này cho những vị mà ủy ban còn thiếu khi mua cây và vật liệu xây cất v.v.

Ông dân biểu Lê Tấn Trọng xin ghi nhận đề nghị trên của phiên họp...”.

Tôi không biết Lê Tấn Trọng sau đó có nhớ đã “ghi nhận đề nghị trên” như thế nào hay không. Còn tôi thì hoàn toàn không nhớ...

Còn câu chuyện Ông Già Bến Tranh bị bắn chết như thế nào thì đầu đuôi là như sau:

“TỔ CHỨC NHÂN DÂN ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS” ra đời năm 1973. Với luật sư Trần Ngọc Liêng làm chủ tịch, có giáo sư Châu Tâm Luân, biện lý Triệu Quốc Mạnh và nhiều người chống chiến tranh ở Saigon tham dự. Có người trước chống cộng, có người từng “đứng giữa” cũng tham gia. Tôi lại phải kiêm thêm một chức Phó chủ tịch nữa do có nhiều anh em đề cử. Từ “Tiếng Nói”, một tờ báo “lậu”, cơ quan của “tổ chức” cũng được cho ra đời, địa chỉ liên lạc đặt ở hai nơi, nhà luật sư Liêng và văn phòng tôi số 132 Lê Lai. Tôi nhớ lúc bấy giờ vài người trong chúng tôi phải kiêm nhiều chức trong nhiều tổ chức. Vừa giống hệt như bây giờ, vừa không giống. Hồi đó phải kiêm vì khó tìm đủ người cho nhiều tổ chức đấu tranh. Bây giờ phải kiêm vì nhiều chức, hay hầu như các chức bây giờ chỉ dành cho một số người. Ngay cả ở những lãnh vực được gọi là ưu tiên dành cho cái gọi là “xã hội hóa”, như ở các môn chơi thể thao hay thậm chí trong các hội nuôi chim, trồng cây, nuôi cá... cũng đều thiếu chỗ cho nên có người phải kiêm nhiều chức.

Linh mục Huỳnh Công Minh một hôm báo tôi biết có một hội nghị về hòa bình họp ở Turin bên Ý. Ông đề nghị tôi viết bài tố cáo những vi phạm hiệp định hòa bình Paris, gửi đi tham dự. Thời đó

lãnh thổ miền Nam Việt Nam được nhiều người ví như là một tấm da beo do binh lính hai bên chia nhau đóng, và mạnh ai nấy lấn. Để khi ngã ngũ, đạt được một giải pháp hòa bình thật sự ổn thỏa rồi thì bên nào giành được nhiều dân, lấn được nhiều đất sẽ ở thế thượng phong hơn. Tôi ở vào vị thế lượm được nhiều tin tức về phía chánh quyền, lại được vài ông tướng có cảm tình bất mí về chủ trương vi phạm của ông Thiệu nên tôi tố ông ta rất nặng. Người nhận mang bài đi Ý đang nằm chờ và tôi đang thức trắng mấy đêm liền để viết cho kịp. Tài liệu này tôi nhớ đã in thành một tập sách nhỏ dày cả trăm trang, dành cho anh em trong “ Tổ Chức Nhân Dân Đòi Thi Hiệp Định Paris ” đọc và phổ biến. Được vậy là nhờ có chị Tôn Thất Dương Kỳ giúp tôi phương tiện in ấn. Rất tiếc bây giờ không tìm đâu ra tài liệu này để xem lại “ mặt mũi ” nó ra làm sao...

Nhưng “ ông già Bến Tranh ” một lần nữa lại lù lù hiện ra ở nhà tôi. Phần bạn trả nợ bài phải viết gấp để kịp gởi đi Turin, phần lo cho tính mạng của ông, tôi nổi đóa : “ Nói với anh nhiều lần rồi mà anh không chịu nghe ! Nó sẽ giết anh ! Tôi nay tôi phải thức để viết, anh ngủ... Mai anh về nhà cha tôi ở luôn đó, đừng đi đâu, cho tới khi có tin của tôi ”. Ông cười giả lả : “ Tôi vừa có được một tài liệu tham nhũng mới, mừng quá chạy lên khoe với chú, rồi về ‘ nằm yên ’ như chú dặn... ”. Giận vậy, nhưng sáng ra tôi vẫn lái xe đưa ông đi ăn phở 79, mua tặng ông mấy tấm vé số và đưa ông ra xe đò về lại quê. Hôm sau, con trai ông chạy lên báo ông đã bị bắn chết !

Ông không về nhà cha tôi, như tôi dặn, như ông đã từng đến tá túc nhiều lần. Ông về nhà ông ở Tân Hoà Thành. Lại không ngủ dưới ghe, trong các mương vườn như trước đây, mà ngủ trong nhà. Trước đây, để tránh tham nhũng báo thù, ông ít khi ngủ trong nhà. Vườn nhà ông rộng, có nhiều mương. Ông thường ngủ dưới ghe, chống tới chống lui thay đổi chỗ mỗi đêm mấy lần. Khi nào ngủ trong nhà thì có người canh. Ngoài việc khóa cửa trong cửa ngoài, ông còn để sẵn dao búa và dầu xăng để tử thủ nếu cần. Ông đã đôi lần thoát chết nhờ người nhà hô toảng lên báo động cho làng xóm đến cứu. Lần này con ông ý y, tưởng người quen kêu cửa, và ông bị giết !

Lễ khánh thành miếu ông già Bến Tranh thật long trọng. Rất nhiều cảnh sát vòng trong vòng ngoài đứng gác mà không can thiệp. Ngoài bà con địa phương, còn có cả một “ gam màu ” quan khách, đồ, hồng, cam và cả... đen, từ Saigon và vài tỉnh lân cận đến dự. Có giáo sư nghị sĩ Vũ Văn Mẫu, đứng đầu lực lượng Phật giáo hòa giải. Có linh mục Trần Hữu Thanh, chủ tịch Phong trào chống tham nhũng của người Công giáo. Có ông Nguyễn Trân, nguyên tỉnh trưởng Định Tường (Mỹ Tho) thời Ngô Đình Diệm và là người có lần đã có “ sáng kiến ” tổ chức đấu lý với các ông bà trí thức đi theo cách mạng trong đó có bà được sĩ Mã Thị Chu (phu nhân giáo sư Nguyễn Văn Hiếu Bộ trưởng Bộ Văn Hóa sau năm 1975), về chủ nghĩa cộng sản, hồi mấy ông bà này bị bắt ở Mỹ Tho. Có anh Nguyễn Văn Mốt ở Sadek, một thời công tác ở Mặt Trận tỉnh Đồng Tháp. Anh Mốt người ốm yếu mà tổ cáo chế độ thì lại hùng hồn lớn tiếng nhất. Tôi nói có một “ gam ” quan khách đủ màu sắc là vì vậy. Tất nhiên là có nhiều bạn bè nữa mà tôi nhớ không xiết. Sau lễ khánh thành Miếu là một bữa cơm trưa đông vui như một đám đình, do bà con địa phương khoản đãi, trong sân vườn nhà thờ dòng nhà Hồ. Có cả cơm chay, không phải chỉ vì cha tôi ăn chay trường, mà vì có luật sư Trần Ngọc Liêng và mấy nhà sư. Nhưng luật sư Trần Ngọc Liêng vẫn thủ sẵn cơm chay từ nhà, như mọi khi đi đâu xa. Tôi còn nhớ bữa đó tôi có “ ăn ké ” của luật sư một miếng fromage Camembert thơm phức và nhờ đó, tức nhờ luật sư Liêng, mà tôi mới biết fromage và vài... thứ khác đích thị không phải là “ đồ mặn ”...

Vụ án giết ông già Bến Tranh, người nông dân liêu minh vắc đơn chạy đăng báo tố tham nhũng nhiều tháng liền, vì có liên quan đến viên đại úy quận trưởng sở tại và mấy nghĩa quân, đã được tòa án quân sự đặc biệt đưa ra xử ở Cần Thơ. Bà con nhiều xã quê tôi lớp xe đò, lớp xe tải kéo nhau đi dự kính kính. Vụ án bị xử chìm xuống.

Về chuyện nông dân Lê Văn Duyên, báo chí Saigon thuở “ đương thời ” viết khá nhiều. Ở đây chỉ xin trích ghi lại bài thơ của nhà thơ Cung văn Nguyễn Văn Hồng, đăng trên nhật báo Điện Tín số 874, ngày 23-6-1974, do tác giả chép tặng riêng tôi, KHỐC ÔNG GIÀ BẾN TRANH :

*Than ôi !*

*Ông đã mất ! Nhưng tên ông sống mãi*

*Người nông dân bất khuất của Bến Tranh,*

*Của bờ tre, của ruộng lúa Hòa Thành  
Của thách đố lương tâm loài cướp mớ*

*\*\*\**

*Một cái chết đáng để đời ca ngợi  
Tiếng oán hờn giữa đám mía, vòng khoai  
Lũ chần trâu cũng thương tiếc ai hoài  
Và chim chóc nghe chùng không muốn hót  
Nhớ linh xưa :*

*57 tuổi, đời nông dân đơn độc,  
Bàn tay chai vì cuộc bẫm cày sâu  
Chi lớn theo trong mưa nắng giải dầu  
Ông thấu hiểu chén cơm hòa nước mắt.  
Nếu cầu an, cứ làm ngơ, cúi mặt  
Thì tai ương đâu có rước vào mình  
Chịu thấp hèn trước những nhiễu làm thịnh  
Đâu đến đổi đang đêm : ám sát !*

*Lê văn Duyên*

*Đất nước ta cần những người như bác  
Tổ quốc ta còn lớp lớp anh hùng  
Vì đồng bào vì nghĩa cả hy sinh !  
Để đổi lấy công bằng và hạnh phúc*

*Lê văn Duyên*

*Với bản thân, bác là người bạc phước  
Với nhân dân : LÀ NGỌN ĐUỐC THẦN KỲ  
Bọn bạo quyền tưởng giết chết bác đi  
Sẽ éo nhẹm mọi lỗi lầm từ trước.*

*Nhưng ở đây :*

*Vô phước chính là phường bán nước  
Đã “ lạy ông con núp ở bụi này ” !*

*\**

*Có linh thiêng xin bác hãy về đây*

*Sau tám tối ngày mai trời lại sáng...*

*Đất BẾN TRANH, mọi người con xứng đáng*

*Đều ước ao trăm sự sẽ “ ĐÌNH TƯỜNG ”*

*Chết anh hùng ! Cái chết đáng noi gương*

*Chết mà sống ! Xin mỉm cười để chết !*

*Ô hô ! Thượng hưởng !*

Hòa Thành là xã Tân Hòa Thành, làng quê của nông dân Lê Văn Duyên và của tôi. Bến Tranh là tên một thời của huyện Trấn Định cũ, gồm một phần của quận Chợ Gạo, một phần của quận Châu Thành Tiền Giang, quận lỵ có thời nằm tại xã Bến Tranh, về sau nằm ở Thị Trấn Tân Hiệp. Đình Tường là tên cũ của tỉnh Tiền Giang.

Thật là không bình thường nếu cha tôi, một người rất khoái làm thơ, và đã từng chứa chấp Lê Văn Duyên trong nhà, lại không có một bài thơ nào về cái chết của ông này. Xem đi cáo, cha có tới mấy bài mà dưới đây là bài :

*Gọi hồn*

*Gọi hồn u hiển Lê Văn Duyên*

*Chết ức chết oan phải linh thiêng*

*Sống chẳng dung tha phùng những lạm*

*Thác nguyên tẩy sạch đấm tham quyền*

*Dương gian tranh đấu vì xã hội*

*Chín mươi độ trì lớp tráng niên*

*Bất khuất nêu gương truyền vạn thuở*

*Đời đời ca tụng Lê Văn Duyên .*

Và bài : “ Tiếp bước ”

*Sống chẳng dung tha phùng bán nước (1)*

*Thác nguyên loại bỏ chúng cho được*

*Khí thiêng sông núi mãi trường tồn*

*Dân tộc Việt Nam mãi tiếp bước*

*Kẻ ngã người thay không nãn lòng*

*Tre tàn măng mọc vẫn cao vượt*

*Nước Nam dòng giống thiện dân cư*

*Bồi đắp sơn hà hơn thuở trước.*

## Tham nhũng xưa và nay

Chuyện “ ông già Bến Tranh ” có thể nói là chuyện xưa nay hiếm; Một là vì người chống tham nhũng chỉ là một nông dân trơn, không thanh thế, không phương tiện, không quyền lợi, hay có chăng chỉ là lòng can đảm và căm tức trước nạn ách của người dân. Hai là vì người chống biết rõ mười mười là sẽ bị giết, – biết nên mới ẩn trốn nhiều nơi, biết nên mới ngủ đêm cả dưới ghe để tiện di chuyển tới lui trong vườn nhà – , mà vẫn chống. Ba là vì người bị giết đã được chính những người dân trơn như ông, đồng cảnh đồng cảm với ông, tự động lập miếu phong thần. Và qua báo chí đã tặng cho ông cái tên “ ông già Bến Tranh ” – khác với ông già Ba Tri ngày xưa, ít ai biết lai lịch – chớ còn hỏi ông đang tranh đấu thì người ta chỉ đơn giản gọi ông bằng cái tên cúng cơm là ông già Duyên mà thôi. Cũng không phải là nhờ các triều vua quan khác nhau phong tặng như từ trước cho tới bây giờ. Bốn là vì cái chết của ông thật không uổng, bởi đã khơi dậy một phong trào chống tham nhũng mạnh mẽ chưa từng thấy, trước hết là trong giới báo chí, kể đến là trong cả một cộng đồng đồng đảo rất có thể lực lúc bấy giờ, đứng đầu là linh mục Trần Hữu Thanh, một linh mục thuộc Dòng Chúa Cứu Thế rất có uy tín, cùng với hơn 300 linh mục tên tuổi khác. Năm, và đây là điều quan trọng nhất, là vì tham nhũng thời đó tuy dữ mà không dữ : dữ là vì nó dám giết người, nhưng không dữ là vì nó còn biết sợ, sợ người dân, và sợ người chống lại nó. Sợ nên nó mới “ một mất một còn”. Chớ bây giờ thì tham nhũng nó không sợ ai hết... Bây giờ thì tham nhũng nó là...vua.

## Lời trời của cha và bài thơ “ thiêu xác ”

Người ta nói “ văn là người ”, vậy thơ chắc cũng là người. Hay ít ra cũng một phần của người.

Cha tôi rất khoái làm thơ. Nhờ vậy tôi có được một tập dày, tất nhiên là về rất nhiều đề tài. Chuyện lớn, chuyện nhỏ, trong nhà, trong làng hay trong nước, cả về Nguyễn An Ninh, cả với Đức Giáo Hoàng, cả chuyện trên trời dưới đất. Tiên, Phật, Thánh, Thần... đều là đề tài. Tất nhiên là không thể thiếu chuyện giặc giã, chuyện cốt nhục tương tàn, chuyện Nam Trung Bắc một nhà, chuyện Mỹ cuồn cờ và chuyện hòa giải hòa hợp... Tất nhiên là không thiếu chuyện khuyên dạy con cháu ở đời.

Dân làng kiếm cho miếng thịt, đứa cháu gửi cho đòn bánh tét mừng ngày sanh, hay tôi rước lên Sài Gòn chơi... cũng làm cha tôi xúc động thành thơ.

Nhìn cháu con ăn mía, ông viết :

.....

*Nước nấu thành đường trên lửa đỏ*

*Xác phơi làm củi trắng như phao*

*Toàn thân cây mía cần dùng hết*

*Hương ngát thơm tho vị ngọt ngào.*

Một người siêng làm thơ như vậy không thể thiếu những bài khai bút đầu năm, và nhất là những bài về ngày sinh của chính mình, ngày Rằm tháng Chạp năm Kỷ Hợi, 1898. Và bài nào cũng đượm nét lạc quan, vì đời, vì người.

Sinh nhật thứ 74 ông viết :

*Tuổi bảy mươi tư vẫn vẫn vương*

*Thấy đời điều đứng đống niềm thương*

...

...

*Ý mong ra sức xoay tình thế  
Dạ muốn nghiêng vai gánh đoạn trường  
Đem lại hòa bình cho trăm họ  
Vãn hồi an lạc khắp muôn phương.*

Rồi :

*Sanh nhật bẩy tư đã tới ngày  
Trời ban sức khỏe đến hôm nay...  
Vạch sẵn con đường gìn chánh đạo  
Vượt lên cám dỗ giữ lòng ngay.*

Nhân ngày sinh nhật thứ 75, cha ước :

*Thác xuống xuôi vàng nhắm mắt yên  
Tử an sanh thuận khỏi ưu phiền  
Lòng mong tôn tộc gìn hơn đạo  
Dạ muốn cháu con giữ mới giềng...*

Tới tuổi 81, ông hơi ngạc nhiên :

*Ngày sanh tám mốt tới mau a !  
Tuổi chất chồng cao chữa nặng à ?*

Rồi tiếp tục yêu đời :

*Làm người trọn giữ vui trăm họ  
Xử thế vẹn gìn đẹp bá gia  
Ái kỷ ái tha và ái quốc  
Thủy chung như nhứt mới ưng già !*

Qua tuổi 82 , ông reo lên như hồi 28 :

*Sanh nhật tám hai tới nữa ta !  
Tuổi già ý chí vẫn chưa già  
Càng già càng tiến đường gai gót*

*Còn khó còn nông ước nguyện xa*

*Ai đốt lửa trời thiêu rụi cỏ*

*Ta nguyện xới đất cấy muôn hoa*

*Xuân này chưa đạt thì xuân tới*

*Quyết chờ canh xuân tới mọi nhà.*

Cha tôi ăn chay trường gần suốt 40 năm, và cho tới lúc qua đời khi 89 tuổi, người vẫn một lòng sống và dạy dỗ con cháu sống và làm người có thiện tâm, như ông từng viết nhân ngày sinh thứ 83 :

*Sống tám ba năm tâm thiện nguyện*

*Tiền căn đã định số người riêng*

*Trải bao dâu bể đều vươn thẳng*

*Gặp mấy thăng trầm vẫn vượt lên...*

Thừa hưởng giáo dục của cha, những ý thơ trên đối với tôi là không lạ, và chắc cũng không lạ đối với nhiều người. Riêng có hai bài đến với tôi thật bất ngờ ! Tôi không ngờ ở tuổi 80, cha tôi vẫn còn giữ bầu nhiệt huyết như hồi 18, khi ông Võ Văn Kiệt thành lập đội Thanh Niên Xung Phong. Cha tôi viết :

*Thanh Niên toàn quốc phải Xung Phong*

*Đóng chốt ba Miền giữ thế công*

*Phía Bắc phía Nam ngăn giặc nhập*

*Trung ương hậu tuyến giữ thành đồng*

*Ngăn rầy, lụt bão, tăng năng suất*

*Trừ lạm, tham gian, gắng lập công*

*Pháp luật dưới trên đều thống nhất*

*Toàn dân xung kích tất hanh thông.*

Nhưng bất ngờ nhất đối với tôi là lời dặn cuối cùng “ không được cãi, trừ khi có biến cố thật bất ngờ”, kèm bài “ Mục đích thiêu xác ” dưới đây :

*Thiêu xác thành tro kịp đối đời*

*Cõi mây đạp sóng khắp nơi nơi*

*Hang sâu ngõ hẹp tro không sót*

*Thành thị thôn quê tro tới chơi*

*Tro diệt vi trùng, an chủng tộc*

*Tro trừ sâu bọ, chuyển cơ trời*

*Tro nuôi ngũ cốc, nuôi nơn loại*

*Tro dưỡng cao lương, dưỡng sức người.*

Trong mấy năm cuối đời của cha, tôi phải bươn chia nhiều, sóng gió cũng không ít. Sau khi mẹ mất, tôi năn nỉ rước cha lên Sài Gòn rồi giao phó cho vợ con. Bao nhiêu sách vở, giấy má, trong đó có bút tích của cha, tôi đều xếp đó. Cho tới khi giờ lại thì hồi ôi, tôi đã phụ lời trần trời của người. Trong khi người kêu phải đưa đi thiêu xác thật nhanh, không dám tiệt lễ lạc rườm rà, thiêu xong về làm cáo phó cũng không muộn, thì tôi lại đưa người về khu mộ ông bà, nằm bên cạnh mẹ. Hèn chi hồi mẹ mất, cha cứ nặng nề đòi hỏa táng, nhưng đám cháu con năn nỉ quá nên người mới làm thỉnh, giao tôi quyết định... Bây giờ tôi biết làm sao đây ! Thôi đành để lại hồi sau phân giải, hoặc để cháu con sau này phụ tính tiếp.

Miếu ông già Bến Tranh, nông dân Lê Văn Duyên, đến nay vẫn còn, tiêu điều ép sát bên đường gàn ngã ba xã Tân Lý Tây đi Phú Mỹ, quận Châu Thành Tiền Giang. Nó sẽ bị phá bỏ hay dời đi, nếu quốc lộ 1A mở rộng thêm nữa ? Riêng nhà thờ dòng nhà Hồ nay đã được cháu chất của cha tôi dời về làng cũ, ở xã Tân Hòa Thành, nơi nền nhà cũ của bác hai tôi, ông Hồ Đắc Tâm, bởi nền nhà cũ của cha tôi, cũng là của ông nội tôi, cụ Hồ Đắc Sách, nay không còn là của dòng nhà Hồ nữa, mà lại về tay các con chị ba tôi, cánh họ Lê...

### **Ông anh 30 và cái mợ của mẹ**

Nhưng trước khi không còn nữa, có ai biết “ nó ”, cái nhà thờ dòng nhà Hồ đó, đã bao nhiêu lần làm mẹ tôi lo lắng ?

Anh Chín Thái, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tỉnh Cần Thơ cách đây mấy tháng viết thư cho tôi, báo tin “ ông già 30 ” Năm Trang, tức Năm Hy, một người bà con cùng quê tôi đã qua đời, ở tuổi 93. Ông là Trưởng Dân y Khu 9 thời kháng chiến, tức Miền Tây Nam Bộ. “ Mất tích ” ở làng mấy chục năm, từ đầu những năm 1930 – tôi gọi ông và những người như ông là những “ông 30”, và những “ ông 30 ” này là hoàn toàn khác với những “ ông 30/4 ” – bỗng một hôm ông lù lù xuất hiện ở nhà cha tôi, mà không phải một mình. Rồi trở đi trở lại, rồi ở dài dài. Một lần tôi tình cờ gặp ông, nhân về thăm cha mẹ tôi. Thấy tôi tỏ mấy ông quan thời đó quá hăng, nhất là về tội tham nhũng và lộng quyền của họ, “ ông già 30 ” này phán một câu mà ý nghĩa tới nay tôi vẫn chưa hiểu hết : “ *Ai cũng là con cháu Bác Hồ, chú đừng quên...* ”.

Câu nói tôi không quên, nhưng tôi vẫn tiếc không còn dịp hỏi lại chính xác ông anh tôi muốn nói gì. “ Ai cũng là con cháu Bác Hồ ” có nghĩa ai nấy đều cùng “ một lò ” ? Hay ai cũng là con người ? Và là người Việt Nam với nhau ?

Sau lần đó, hễ mỗi lần có “ ông anh 30 ” Năm Hy và bộ sậu, hay những người na ná ghé nhà là y như rằng mẹ tôi lại bắt thần lên Saigon thăm tôi, không để tôi về rước như thường khi. Mẹ đâu ngờ, chỉ sau vài lần, cái “ mợ ” này của mẹ, bắt thần lên thăm để cầm chân tôi ở Sài Gòn, đã phản lại mẹ. Mẹ cầm chân tôi, vì sợ tôi bị bắt gặp với ông anh 30 của tôi ở nhà mẹ rồi bị liên lụy. Mẹ đâu ngờ : Saigon - Mỹ Tho đâu bao xa, chỉ sau vài giờ lái xe là tôi đã có mặt ở Mỹ Tho, hàn huyên thăm hỏi ông anh tôi đã đời, rồi về ngồi ăn cơm với mẹ tại Sài Gòn, như mọi bữa tôi đi làm. Nhà thờ dòng nhà Hồ, như vậy, đã trở thành một trạm dừng chân trên đường đi về của một số ông bà trong khu. Ít ra là theo lời của số người trong cuộc sau này kể lại. Ít ra là trong những lần mẹ tôi dùng mợ đi thăm tôi để cầm chân tôi ở Saigon. Tội nghiệp mẹ ! Mẹ đâu biết, không cần về quê tôi cũng đã gặp Việt Cộng :

Ở Paris, từ năm 1968. Nhà anh Nguyễn Đình Thi, linh mục, số 18 rue Cardinal Lemoine, với anh Phạm Văn Ba, nguyên đại sứ ở Pháp rồi ở Campuchia thời Pôn Pốt ; với anh Nguyễn Văn Tiến, nguyên Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; với anh Đinh Bá Thi, nguyên đại sứ ở Liên Hợp Quốc ; với anh Phan Nhân, hiện nghỉ hưu ở Saigon. Ngoài anh Phan Nhân, cả ba anh trên nay đã ra người thiên cổ, không kịp cho tôi một chữ ký “ để làm thuốc ”, mặc dầu tôi đã có dịp gặp lại cả ba nhiều lần sau năm 1975, kể cả làm việc chung với anh Ba và anh Tiến.

Ở Saigon. Ngay trong ngay trong toà soạn của tôi. Với mấy nhà báo. Như anh Phan Ba, tức Phan Hồng Đức, nguyên phó giám đốc Đài phát thanh Nam bộ trước 54, nguyên thư ký tòa soạn báo Tin Sáng cả hai thời kỳ trước và sau 75. Như anh Chu Thao, người đã thoát khỏi cuộc vây bắt mười tám



ký giả, trong đó có anh Sơn Nam, anh Vũ Hạnh, anh Nguyễn tiền Uẩn... và sau đó đã được tôi gửi linh mục Huỳnh Công Minh che giấu trong ngôi nhà thờ nhỏ của linh mục ở gần Tân Cảng Sài Gòn. Như anh Tô Nguyệt Đình, tức Nguyễn Bảo Hóa, nguyên thơ ký tòa soạn báo Đại Dân Tộc, nguyên ủy viên Ban biên tập báo Sài Gòn Giải Phóng. Như họa sĩ Ớt, tức Huỳnh Bá Thành từng vẽ biếm họa cho các tờ Tin Sáng, Điện Tín và Đại Dân Tộc. Cả ba anh Phan Ba, Tô Nguyệt Đình và Huỳnh Bá Thành nay cũng không còn nữa ! Và còn mấy người nữa mà thật lâu sau này tôi mới biết là thuộc... “ giai cấp tiên phong lãnh đạo ”.

Ở cả trong nhà tôi. Khi nhà tôi che giấu mấy anh chị em gọi là dân “ phong trào ”, như sau này thỉnh thoảng có vài anh chị em nhắc lại... Những anh chị em này, như thỉnh thoảng tôi được biết sau năm 1975, là những đảng viên của đảng “ nhân dân cách mạng ”, không phải đảng viên đảng cộng sản !... Còn việc sau này họ có phục hồi đảng tịch hay không, và có cần phục hồi hay không, thì tôi không biết.

Và tại văn phòng tôi, với tư cách một dân biểu Quốc Hội, cả ngày lẫn đêm. Với cánh Công đoàn của anh Năm Khâm, của anh Tám Yên (Nguyễn Hộ). Với cánh công an của anh Năm Xuân Mai Chí Thọ. Với cánh trí vận của anh Tạ Bá Tông... Tất nhiên họ là những người hoạt động công khai hợp pháp mà sau này tôi mới biết là dân cách mạng. Họ vốn dĩ là những người lao động, công chức, trí thức bình thường, kể cả những người tu hành thuộc nhiều tôn giáo... thành viên các phong trào đấu tranh chống chiến tranh, vì hòa bình, vì dân sinh, dân chủ...

Tôi chỉ thiếu đi vô khu như anh Nguyễn Ngọc Lan hay anh Châu Tâm Luân mà thôi. Hay chính xác hơn là vô huyệt...

Tháng 9/1975 tôi gặp lại “ ông anh 30 ” của tôi ở Hà Nội. Anh là một đại biểu dân miền Tây đi dự lễ Quốc khánh đầu tiên sau ngày đất nước thống nhất. Tôi là một “ đại biểu ” dân Saigon. Anh ở trường Nguyễn Ái Quốc, như hầu hết các đại biểu của cả nước. Anh, một “ ông 30 ” ! Tôi ở khách sạn hiện đại Thăng Lợi được Cuba giúp xây vừa xong trên bờ hồ Tây, với một nhóm nhân sĩ trí thức Saigon.

Sau này khi Tin Sáng chưa “ hoàn thành nhiệm vụ ”, anh thường ghé thăm tôi ở tòa soạn. Mấy người bà con của tôi đi theo cách mạng lâu năm ai cũng quan tâm lo lắng cho “ sức khỏe chánh trị ” của tôi. “ Ông anh 30 ” này cũng vậy. Họ lo lắng cũng phải. Có nhiều lý do để họ lo, mà lý do sau đây chỉ là một : làm báo xã hội chủ nghĩa không biết dễ hay khó mà “ ông xã hội chủ nghĩa ” nào cũng “ sành ”, cũng “ thạo ”, cũng phê “ tới bên ”, mặc dù không phải ông nào cũng ở trong nghề. Các ông giỏi “ phê ” như vậy không phải chỉ về nghề báo mà về bất cứ cái gì, ngay cả về nồi com đang sôi tận dưới nhà bếp của ai đó... Bởi vì, đối với các ông, chính trị là chủ đạo. Và hễ đã thấm nhuần đường lối chính trị thì cái gì cũng có thể có ý kiến và cũng “ phán ” được cả... Nhiều lần tôi đã từng trăn mình chịu trận với những câu hỏi tới tấp, đại loại như : Tại sao cái tít này lớn, cái tít kia chỉ một cột ? Tại sao tin về lãnh đạo lại để dưới, tin sinh hoạt nào đó lại giương lên ? Tại sao bài ở trang trong không đổi ra trang ngoài ? Tại sao có rao vặt, có quảng cáo ?... Chỉ còn thiếu câu hỏi “ tại sao Tin Sáng lại có mặt trên đời ” nữa thôi.

Bởi Tin Sáng là tờ báo hằng ngày duy nhất của tư nhân trong một “ đại dương xã hội chủ nghĩa ”, không chỉ nói riêng ở Việt Nam mà còn trong toàn phe. Báo phát hành càng nhiều, càng có nhiều người “ lo ”. Tất nhiên là cái lo của mỗi người không ai giống ai... Các phóng viên Tin Sáng được đào tạo mỗi năm một khóa, không hẹn mà khóa nào cũng có bạn “ thắc mắc ” hỏi tôi : “ Tin Sáng nhắm sống được bao lâu ? ” Có lần, thay vì trả lời, tôi đã chỉ một vài tờ báo, trong đó có tờ “ Giải Phóng ”, cơ quan của Trung Ương Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, ra đời sau tờ Sài Gòn Giải Phóng và tờ Tin Sáng bộ mới không bao lâu, nhưng không ai nhớ hỏi nó, tờ Giải Phóng của Trung Ương Mặt Trận Giải, cho tới lúc đó, nó tồn tại được bao lâu ? Và tại sao nó không tồn tại nữa ? Mà lúc đó không chỉ có tờ Giải Phóng ra nghi... Có lần tôi hỏi lại anh chị em hay đặt câu hỏi, có ai biết lúc nào và tại sao người ta không treo tiếp lá cờ “ trên đỏ, dưới xanh, ở giữa có ngôi sao vàng ” nữa hay không ? Cái gì cũng có cái thời, tới thời hay hết thời của nó cả... Không hơi sức đâu mà lo... Bà con độc giả ở một số phường ở thành phố lại có một nỗi lo khác và thường băn khoăn gọi điện thoại, và cả gửi thư cho nhà báo biết thỉnh thoảng trong các cuộc họp – mà đi họp ở chế độ xã hội chủ

nghĩa Việt Nam ta thì cứ như là đi ăn cơm, và hơn cả đi ăn cơm, không chỗ này thì chỗ kia, có khi hai ba buổi họp trùng lặp nhau mỗi ngày là thường – bà con được yêu cầu không đọc Tin Sáng, hoặc nếu có đọc thì nên đọc cho “ công bằng ”, nghĩa là có tờ này tờ khác, chứ không nên chỉ đọc tờ Tin Sáng mà thôi. Bà con “ cách mạng ” của tôi lo cho tôi là phải, và phải lo...